



Bài báo nghiên cứu

VẤN ĐỀ TỰ HỌC CỦA SINH VIÊN KHOA NGOẠI NGỮ TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN: HỌC TIẾNG PHÁP NHƯ LÀ NGOẠI NGỮ 2

Nguyễn Thị Thu Hạnh

Trường Đại học Quy Nhơn, Việt Nam

Tác giả liên hệ: Nguyễn Thị Thu Hạnh – Email: hanhnguyendhq@yahoo.com

Ngày nhận bài: 18-7-2019; ngày nhận bài sửa: 09-10-2020; ngày duyệt đăng: 24-5-2021

TÓM TẮT

Tự học đóng vai trò rất quan trọng khi học ngoại ngữ nói chung và học tiếng Pháp nói riêng, tuy nhiên, sinh viên (SV) Khoa Ngoại ngữ Trường Đại học Quy Nhơn chưa thực sự phát huy khả năng này trong quá trình học tiếng Pháp. Do đó, để tìm hiểu nguyên nhân và đề xuất giải pháp giúp cải thiện tình hình, chúng tôi tiến hành khảo sát 200 SV K39 và K40. Kết quả chỉ ra rằng đa số các SV đều đồng ý rằng tự học là yếu tố quan trọng trong việc học ngoại ngữ, nhưng họ gặp khó khăn vì đã quen với cách học thụ động và phụ thuộc vào giáo viên (GV). SV quan tâm chủ yếu các nhiệm vụ được GV giao phó, chứ chưa thực sự tự mình tìm tòi các nguồn tài liệu để luyện tập thêm. Đa số SV chưa ý thức được tầm quan trọng của việc tự ôn tập và tự kiểm tra tiến độ học tập của mình để có những điều chỉnh kịp thời trong quá trình học tập. Khi gặp bài tập khó trong quá trình tự học, SV thích được trao đổi và tìm kiếm sự trợ giúp từ bạn bè hơn là với GV.

Từ khóa: Khoa Ngoại ngữ; tiếng Pháp; Trường Đại học Quy Nhơn; tự học; sinh viên

1. Đặt vấn đề

Trong thời đại toàn cầu hóa ngày nay, việc trang bị cho bản thân một nền tảng kiến thức ngoại ngữ vững vàng là việc làm rất cần thiết. Học ngoại ngữ nói chung và học tiếng Pháp nói riêng không phải chỉ đơn thuần tiếp nhận những kiến thức từ người dạy, vì người dạy không thể truyền đạt hết tất cả những kiến thức cho người học bởi kiến thức là vô hạn và luôn được cập nhật từng ngày, từng giờ. Thay vào đó, người học cần chủ động tìm hiểu, không ngừng tự học, nâng cao năng lực ngôn ngữ của bản thân. Khả năng tự tìm tòi, học hỏi của bản thân giúp người học lĩnh hội tri thức một cách toàn diện, chủ động với nhiều hứng thú. Ngoài ra, chủ động trong học tập còn giúp người học trở nên năng động, sáng tạo và không ỷ lại, từ đó biết tự bổ sung những khiếm khuyết để tự hoàn thiện bản thân. Trên thực tế, GV ngoại ngữ không thể nào đoán trước được những tình huống giao tiếp giao văn hóa mà người học gặp phải trong cuộc sống, vì thế, người học cần phải có khả năng giải quyết

Cite this article as: Nguyen Thi Thu Hanh (2021). Self-study of foreign languages students at Quy Nhon University: Learning french as the second language. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 18(5), 877-886.

vấn đề một cách độc lập thông qua việc kết hợp kiến thức đã được học và những điều tự lĩnh hội. Họ cần phải có khả năng tự hoàn thiện kỹ năng ngôn ngữ và đạt được một mức độ thông thạo nhất định.

Trong môi trường đại học, hoạt động tự học đóng vai trò đặc biệt quan trọng bởi nó giúp SV nắm vững và củng cố kiến thức đã học, đồng thời có thể phát triển tư duy sáng tạo, tính tự chủ trong học tập, hình thành thói quen tự nghiên cứu, tạo nền tảng cho việc học tập suốt đời.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý luận

2.1.1. Khái niệm tự học

“Tự học” hay “tự chủ trong học tập” là một khái niệm rộng được định nghĩa phụ thuộc vào môi trường học, nội dung học, quá trình học và đặc điểm của người học.

Có lẽ Holec (1981) là người đầu tiên đưa ra khung khái niệm về tính tự học. Theo ông, tự học là “năng lực tự chịu trách nhiệm (ability to take charge of) với tất cả quyết định liên quan đến việc học của mình” bao gồm:

- Xác định mục tiêu;
- Xác định nội dung và tiến trình học;
- Chọn phương pháp học;
- Giám sát quá trình lĩnh hội kiến thức;
- Đánh giá kết quả học tập. (Holec, 1981, p.3)

Little (2003) cho rằng, tính tự chủ trong học tập được nhận biết thông qua các hành vi như “khả năng học tập độc lập (detachment), tự biện/ tự nhận xét (critical reflection), tự quyết định (decision-making), và hành động độc lập (independent action)”.

Theo Dickinson (1987), “tự chủ trong học tập” (autonomy) là một giai đoạn nâng cao của quá trình tự định hướng (an advanced stage of self-direction) mà ở đó người học cũng chịu trách nhiệm thực hiện các quyết định liên quan đến việc tự học của mình (in charge of implementing the decisions concerning his or her own learning).

Còn theo Littlewood (1999), người học nên chịu trách nhiệm với việc học của bản thân mình vì chỉ có chính họ mới có thể thực hiện được việc này, và hơn nữa, họ cũng cần phải phát triển năng lực tự học để có thể tiếp tục việc học sau khi tốt nghiệp. Tự chịu trách nhiệm trong việc học liên quan đến việc người học tự chủ (hoàn toàn hoặc một phần) trong việc đưa ra các lựa chọn học tập mà trước đây là công việc của GV, ví dụ xác định mục tiêu học tập, chọn phương pháp học và đánh giá quá trình học.

Kumaravadivelu (2003) thì cho rằng đứng về góc độ mục tiêu, có hai cách nhìn về tự học: nghĩa hẹp và nghĩa rộng. Theo nghĩa hẹp, việc dạy cho người học cách học bao gồm trang bị cho họ các kỹ năng cần thiết để có thể học một mình và hướng dẫn cho họ các chiến lược phù hợp để xác định mục tiêu học tập. Theo nghĩa rộng, học cách học ngoại ngữ như là một phương tiện để đạt đến đích, đích đó là năng lực tự chủ trong học tập (“learning to learn

a language as a mean to an end, the end being learning to liberate”). Ông gọi tự học theo nghĩa hẹp là tự chủ học tập (academic autonomy), giúp người học trở thành những học viên có chiến lược học tập (strategic practioners), có khả năng tự nhận biết năng lực học tập của bản thân; theo nghĩa rộng là sự tự do (liberatory autonomy), giúp người học trở thành người có tư duy phản biện (critical thinkers) để có thể nhận biết thế mạnh của mình.

2.1.2. Các yếu tố liên quan đến tự học

• Tính tự chủ trong quá trình học

Người có năng lực tự học phải có các thuộc tính sau:

- Có hiểu biết sâu sắc về phong cách và chiến lược học tập của mình;
- Có cách tiếp cận tích cực cho nhiệm vụ học tập;
- Sẵn sàng chấp nhận rủi ro - giao tiếp bằng ngôn ngữ đích bằng mọi giá;
- Đề ý đến hình thức cũng như nội dung của ngôn ngữ, ý thức được việc phải sử dụng ngôn ngữ chính xác và phù hợp;
- Phát triển ngôn ngữ đích thành một hệ thống tham chiếu riêng biệt, sẵn sàng sửa đổi và xóa bỏ các giả thuyết và quy tắc không phù hợp;
- Có cách tiếp cận khoan dung với ngôn ngữ đích. (Omaggio, 1978, p.117-118)

Đặc biệt trong lĩnh vực học ngoại ngữ, việc tham gia tích cực và chịu trách nhiệm về quá trình học của bản thân là điều vô cùng cần thiết. Dam (1995) cho rằng người học cần phải sẵn sàng vừa hoạt động độc lập vừa hợp tác với người khác với tư cách là một thành viên trong xã hội.

Muốn đạt kết quả cao trong học tập, người học không chỉ có động cơ học tập đúng đắn và thái độ học tập tích cực mà còn phải có chiến lược học hiệu quả. Theo O'Mally và Chamot (1989), chiến lược học là các hoạt động trí tuệ giúp đạt kết quả cao trong học tập bao gồm việc lên kế hoạch học tập, theo dõi và đánh giá công việc đã thực hiện. Trong học ngoại ngữ, chiến lược học được áp dụng cho các bài tập và công việc từ đơn giản đến phức tạp như học từ vựng, cách sử dụng từ điển đến phương pháp để hiểu các bài đọc khó hoặc tương tác với bạn cùng nhóm, cùng cặp hay cùng lớp trong các hoạt động giao tiếp trên lớp.

• Động cơ học tập

Theo Ur (1996), động cơ học tập là một yếu tố mà nhờ có nó, người học sẽ nỗ lực và chủ động trong quá trình học nhằm đạt được mục tiêu đề ra, đó là sự tiến bộ, là kết quả tốt trong học tập. Xét về mục tiêu học ngoại ngữ thì động cơ học tập có hai loại: động cơ hội nhập (integrative motivation) và động cơ phương tiện (instrumental motivation).

Về phía người học, có 2 loại động cơ: *động cơ nội tại* (intrinsic motivation) và *động cơ ngoại lai* (extrinsic motivation). *Động cơ nội tại* có nghĩa là người học chọn học tập vì lợi ích, vì sự yêu thích ngôn ngữ chứ không hề màng đến việc thưởng, phạt. *Động cơ ngoại lai*, theo tác giả Ur (1996), gồm các yếu tố tác động từ bên ngoài, như: (1) sự tiến bộ dần trong quá trình học (success and its rewards), (2) kết quả học tập chưa đạt như mong muốn (failure), (3) sự bắt buộc của chương trình học (authoritative demands), (4) các bài kiểm tra (tests), và (5) sự ganh đua trong học tập (competition). Nếu người học có được động cơ nội

tại thì việc học tập sẽ trở nên dễ dàng hơn. Còn nếu họ không có động cơ này, người dạy cần tạo ra các động cơ ngoại lai cho người học để thúc đẩy họ trong quá trình học tập.

- **Trách nhiệm trong học tập**

Tinh thần trách nhiệm trong học tập có liên quan mật thiết với ý thức học tập trong SV. Hai khái niệm này đều bao hàm thái độ học tập tích cực của người học. Người học có trách nhiệm không nhất thiết là lúc nào họ cũng phải hoàn thành bài tập được thầy/cô giao và luôn luôn làm theo hướng dẫn của GV. Theo Scharle, A. và Szabo, A. (2000), người học có trách nhiệm là người luôn ý thức được tầm quan trọng của sự tự nỗ lực trong học tập đối với sự tiến bộ của bản thân. Vậy nên, việc không thể hoàn thành nhiệm vụ được GV giao phó, đối với họ, đó là việc mất đi cơ hội để tự mở rộng kiến thức, là sự bất lợi hơn là vì lo lắng sẽ bị GV la mắng hay khiển trách. Người học có trách nhiệm sẽ luôn luôn biết tận dụng mọi cơ hội để tiến bộ, và vì vậy, sẽ luôn tự giác tham gia vào tất cả các hoạt động trên lớp cũng như hoàn thành nhiệm vụ học tập được giao.

Người học có trách nhiệm với việc học là những người luôn tự ý thức rằng họ phải nỗ lực để học tốt hơn. Họ rất tự chủ trong việc học cũng như tinh thần tự học cao thể hiện ở chỗ họ tự học, không phụ thuộc vào GV, không chờ đợi GV giao bài tập. Vậy, chúng ta có thể kết luận rằng, để củng cố và xây dựng phương pháp tự học, người học phải ý thức được trách nhiệm đối với việc học tập, đồng thời tích cực tham gia vào việc quyết định việc học của bản thân.

- **Hoạt động tự học**

Tự học không phải là một hoạt động đơn giản. Để việc tự học có hiệu quả, người học cần phải có phương pháp tự học phù hợp. Vậy nên, việc học cách tự học là cả một quá trình lâu dài và tùy thuộc vào mỗi cá nhân.

Việc học cách tự học là sự chuyển động uốn cong của hình xoắn ốc khi người học trở nên tự tin và trưởng thành qua việc xem xét lại kinh nghiệm học tập của chính họ thông qua các hoạt động học tập giúp họ khắc phục điểm yếu và phát huy điểm mạnh. Thông qua việc dần làm quen với việc tự quản lý và tự học người học sẽ có thể học ngoại ngữ một cách tốt nhất (Little, 2003, p.29).

2.2. Mục đích nghiên cứu, đối tượng khảo sát, phương pháp và dụng cụ nghiên cứu

2.2.1. Mục đích nghiên cứu

Nghiên cứu này được thực hiện nhằm nắm bắt và đánh giá thực trạng tự học tiếng Pháp của SV khoa Ngoại ngữ học tiếng Pháp như ngoại ngữ thứ hai tại Trường Đại học Quy Nhơn, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm cải thiện vấn đề tự phát triển ngoại ngữ này của SV Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Quy Nhơn. Các mục tiêu cụ thể bao gồm: Mức độ tự tin của người học trong việc quyết định các nhiệm vụ học tập; các hoạt động tự học của SV; giải pháp của SV khi gặp bài tập khó; đề xuất một số giải pháp nhằm giúp SV tự học hiệu quả hơn.

2.2.2. Đối tượng khảo sát và phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện các mục tiêu nghiên cứu đặt ra, chúng tôi sử dụng phối hợp phương pháp định lượng và định tính.

Đối tượng khảo sát trong nghiên cứu này gồm 200 SV ngành Sư phạm Anh và Ngôn ngữ Anh, trong đó gồm 100 SV khóa K39 và 100 SV K40 thuộc Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Quy Nhơn học tiếng Pháp như là ngoại ngữ thứ hai. Chúng tôi khảo sát ngẫu nhiên tổng các SV chứ không phân theo ngành vì số SV ngành Sư phạm K40 học tiếng Pháp quá ít, không tương quan với SV ngành Sư phạm K39 được phân công học tiếng Pháp như là ngoại ngữ thứ 2. Các kết quả điều tra này sẽ được sử dụng trong nghiên cứu để đánh giá hoạt động tự học của SV Khoa Ngoại ngữ học tiếng Pháp như ngoại ngữ thứ hai tại Trường Đại học Quy Nhơn, từ đó đưa ra các biện pháp nhằm cải thiện vấn đề tự học.

2.2.3. Dụng cụ nghiên cứu

Kết quả nghiên cứu dựa vào kết quả bảng câu hỏi điều tra gồm 13 câu hỏi (xem phụ lục) nhằm tìm hiểu nhận thức của SV về vai trò của việc tự học và các hoạt động tự học. Bảng câu hỏi điều tra được biên soạn theo lý thuyết về tự học nói chung và học tiếng Pháp nói riêng cùng với thực tế quan sát của người nghiên cứu.

Gói câu hỏi 1 tìm hiểu mức độ tự tin của người học trong việc đưa ra các lựa chọn học tập liên quan đến xác định mục tiêu học tập, tài liệu học tập, thời gian dành cho việc tự học, tự đánh giá quá trình học tập của bản thân... Các câu hỏi ở phần này được trả lời theo các cấp độ: tự tin, hơi tự tin và không tự tin.

Gói câu hỏi 2 xoay quanh các hoạt động tự học của SV liên quan đến bài tập và gói câu hỏi thứ 3 đề cập các hoạt động tự học nói chung. Các câu hỏi được trả lời theo 5 cấp độ: (1) luôn luôn, (2) thường xuyên, (3) thỉnh thoảng, (4) hiếm khi và (5) không bao giờ.

Các câu hỏi còn lại bao gồm các câu hỏi lựa chọn hoặc trả lời ngắn tìm hiểu về giải pháp của SV khi gặp bài tập khó trong quá trình tự học.

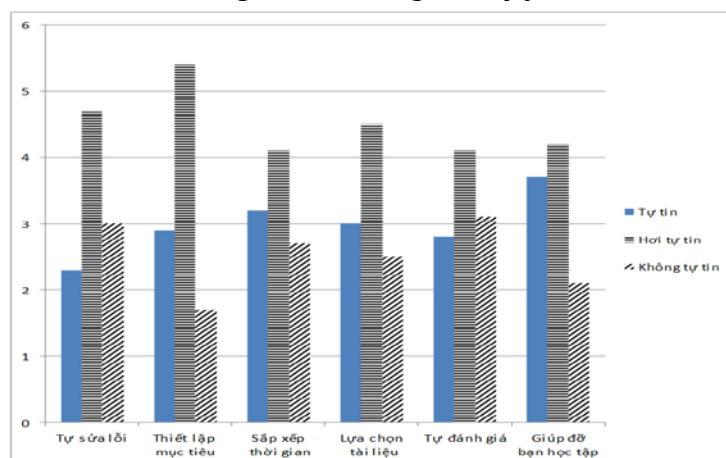
Sau đó, các kết quả thu được từ bảng câu hỏi điều tra được kiểm tra và phân tích cẩn thận nhằm đạt được kết quả chính xác nhất.

2.3. Kết quả nghiên cứu và bàn luận

2.3.1. Mức độ tự tin của người học trong việc quyết định các nhiệm vụ học tập

Khi được hỏi về mức độ tự tin trong việc đưa ra các lựa chọn học tập liên quan đến xác định mục tiêu trong học tập, lựa chọn tài liệu học tập, thời gian dành cho việc tự học, tự đánh giá quá trình học tập của bản thân, tự sửa lỗi và tinh thần trợ giúp bạn bè trong học tập; SV có ba cấp độ lựa chọn: tự tin, hơi tự tin và không tự tin (xem Biểu đồ 1).

Biểu đồ 1. *Mức độ tự tin của người học trong việc quyết định các nhiệm vụ học tập*

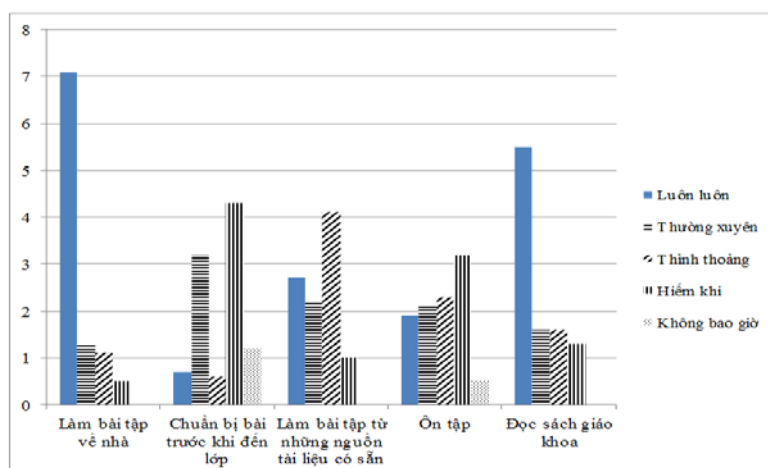


Biểu đồ 1 cho thấy nhiều SV chưa thực sự tự tin vào việc tự quyết định các nhiệm vụ học tập của mình. Điển hình, phần đông SV trả lời chỉ ‘hơi tự tin’ hoặc ‘không tự tin’ với một số lựa chọn như tự sửa lỗi (47% và 30%), thiết lập mục tiêu học tập (54% và 17%), quyết định thời gian thực hiện các hoạt động học tập ở trên lớp và ngay cả ở nhà (41% và 27%), chọn tài liệu học tập bổ trợ (45% và 25%), tự đánh giá quá trình học tập (41% và 31%), và trợ giúp bạn trong học tập (42% và 21%). Trong đó, SV không tự tin nhất với việc tự sửa lỗi và tự đánh giá quá trình học tập.

2.3.2. Các hoạt động tự học

Khi tìm hiểu về các hoạt động tự học của SV liên quan đến bài tập, các câu hỏi được chúng tôi khảo sát là liệu SV có thường hay làm bài tập nhà, có chuẩn bị bài trước khi đến lớp, có làm bài tập từ những nguồn tài liệu có sẵn, có đọc sách giáo khoa, hay có tự ôn tập, tự tìm tài liệu, tự đánh giá tiến độ học tập của bản thân... hay không, SV trả lời theo 5 cấp độ: (1) luôn luôn, (2) thường xuyên, (3) thỉnh thoảng, (4) hiếm khi và (5) không bao giờ. Kết quả khảo sát các hoạt động tự luyện tập ngoài giờ học của SV được chúng tôi thể hiện ở những biểu đồ bên dưới.

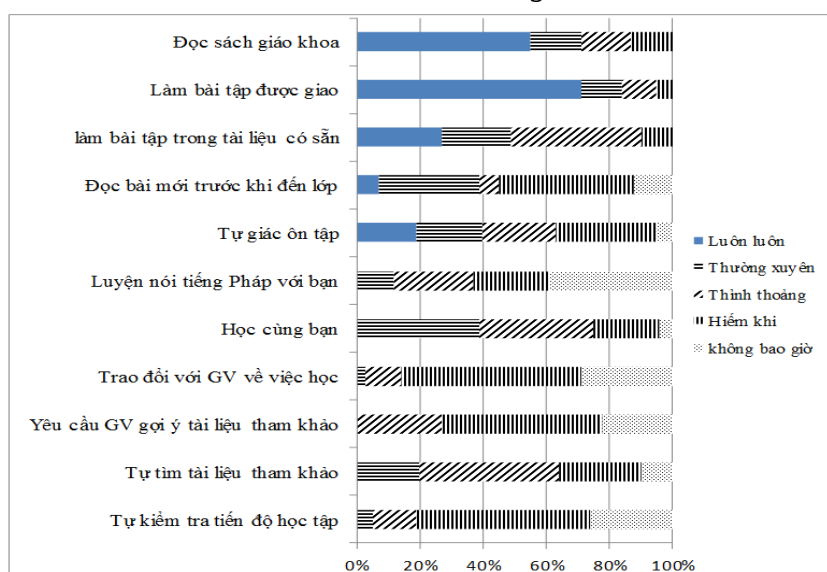
Biểu đồ 2. *Các hoạt động tự học liên quan đến bài tập*



Biểu đồ 2 cho thấy đa số SV đều biết tự trang bị kiến thức cho mình bằng việc đọc sách giáo khoa (71%) và làm bài tập về nhà theo yêu cầu của GV một cách đầy đủ (84%). Điều này nói lên rằng đa số SV rất có ý thức trong việc hoàn thành nhiệm vụ được giao. SV cũng ý thức được việc phải tự chuẩn bị bài trước khi đến lớp, tuy nhiên chỉ có 39% cho là luôn luôn và thường xuyên đọc và chuẩn bị bài học trước khi đến lớp, 43% SV xác nhận hiếm khi và 12% không bao giờ chuẩn bị bài trước cho các buổi học. Lí do được nhiều SV đưa ra là họ có quá nhiều bài tập của các môn khác cần phải hoàn thành, họ không có đủ thời gian để làm, họ quên và một số ít cho rằng họ nghĩ điều này không cần thiết vì lên lớp họ sẽ được nghe GV giảng. SV có vẻ mặn mà hơn với việc làm bài tập từ những nguồn tài liệu có sẵn với 49% cho là luôn luôn và thường xuyên và 41% thỉnh thoảng.

Liên quan đến các hoạt động tự học của SV nói chung như đọc sách, làm bài tập được thầy/cô giao hoặc tài liệu có sẵn, tự giác ôn tập, luyện tập cùng bạn bè, trao đổi với GV về bài tập hay đề nghị GV gợi ý tài liệu tham khảo, tự tìm tài liệu hay tự kiểm tra tiến độ học tập của bản thân và SV cũng trả lời theo 5 cấp độ: (1) luôn luôn, (2) thường xuyên, (3) thỉnh thoảng, (4) hiếm khi và (5) không bao giờ (xem Biểu đồ 3).

Biểu đồ 3. Các hoạt động tự học



Biểu đồ 3 cho thấy những hoạt động tự học của SV chủ yếu nghiêng về các nhiệm vụ được GV giao phó chứ SV chưa thực sự tự mình tìm tòi các nguồn tài liệu trên mạng internet hoặc trong nhà sách, thư viện... để luyện tập thêm. Kết quả khảo sát cũng cho thấy đa số SV chưa ý thức được tầm quan trọng của việc tự ôn tập và tự kiểm tra tiến độ học tập của mình để có những điều chỉnh kịp thời trong quá trình học tập. Cụ thể, chỉ có 21% SV xác nhận thường xuyên xem lại bài; trong khi đó có đến 37% SV thừa nhận hiếm khi hoặc không bao giờ tự giác ôn tập; 81% SV không ý thức được việc tự kiểm tra tiến độ học tập của mình. Bàn về việc tự tìm tài liệu tham khảo, 20% SV thừa nhận là thường xuyên tìm kiếm thêm những tài liệu liên quan đến nội dung bài học trên lớp để luyện tập thêm, nhằm củng cố và

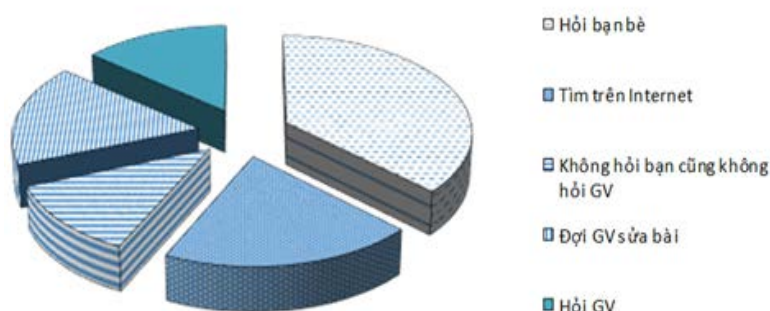
nâng cao kiến thức đã học, 44% SV xác nhận thỉnh thoảng, 26% SV cho là hiếm khi thực hiện hoạt động này và 10% còn lại không bao giờ tự tìm. SV lí giải rằng họ chưa thực sự say mê với môn học, chưa có động lực để tự học và chưa tin bản thân có thể tự tìm những tài liệu đó.

Nhiều SV còn chưa sẵn sàng đối với các hoạt động tự luyện tập từ những nguồn tài liệu trên mạng internet hoặc trong thư viện...; phần đông SV chưa chủ động luyện nói tiếng Pháp cùng bạn bè, chỉ có 12% SV được khảo sát thường xuyên thực hành nói những câu đơn giản hay những kiến thức vừa học trên lớp với bạn; đa phần chỉ thỉnh thoảng thực hành nói ở trên lớp theo hoạt động cặp/ nhóm theo GV yêu cầu. Điều này cho thấy SV chưa chủ động cải thiện kĩ năng giao tiếp. Hơn nữa, việc SV không tìm đọc các tài liệu có tính thực tế dẫn đến việc họ sẽ không quen với văn phong của các bài đọc, không nâng cao được vốn từ và sẽ gặp khó khăn với các bài nghe, đọc và viết thực tế ở trình độ cao hơn, cụ thể là trong kì thi chuẩn đầu ra bậc 3/6 theo định hướng khung năng lực 6 bậc dùng cho Việt Nam mà nhà trường đang áp dụng.

2.3.3. Giải pháp của SV khi gặp bài tập khó (xem Biểu đồ 4)

Khảo sát SV về việc liệu họ sẽ giải quyết như thế nào khi gặp bài tập khó trong quá trình tự học, đại đa số SV được hỏi cho là họ thích được trao đổi cùng với bạn và tìm kiếm sự trợ giúp từ bạn bè. Cụ thể, hầu hết SV trả lời rằng sẽ hỏi bạn hoặc tìm kiếm hướng giải quyết trên cộng đồng mạng internet (37% và 20%). 12% SV cho rằng sẽ không hỏi bạn cũng không hỏi GV vì sợ mất mặt với mọi người. 17% thừa nhận rằng sẽ đợi đến khi GV sửa bài. Đa số SV cho rằng họ ngại tiếp xúc với GV nên chỉ có 14% sẵn sàng hỏi GV khi họ gặp bài tập khó.

Biểu đồ 4. Giải pháp của SV khi gặp bài tập khó



3. Kết luận và đề xuất

Từ những kết quả nghiên cứu trên, chúng tôi rút ra một số kết luận sau:

Nhìn chung, đa số SV đều ý thức được tầm quan trọng của việc tự học trong phát triển năng lực ngôn ngữ và mong muốn có thể phát triển khả năng tự học. Tuy nhiên, phần lớn dường như vẫn chưa sẵn sàng cho việc tự chịu trách nhiệm với các hoạt động học tập của mình. Lí do của hạn chế này là vì SV còn quen với việc học tập thụ động, lấy GV làm trung

tâm, thiếu tự tin vào năng lực của bản thân trong việc lựa chọn các nhiệm vụ học tập như thiết lập mục tiêu học tập, tự sửa lỗi, tự đánh giá tiến độ học tập...

Qua khảo sát các hoạt động tự học, chúng tôi nhận thấy phần lớn SV có ý thức trách nhiệm với việc học của mình. Tuy vậy, hoạt động tự học của họ chưa thực sự tự giác mà còn mang nặng tính nghĩa vụ. Hay nói cách khác, SV chủ yếu chỉ chăm chú vào các hoạt động học tập bắt buộc liên quan đến giáo trình hoặc chỉ hoàn thành những nhiệm vụ được GV yêu cầu. Rất ít SV chủ động tham khảo các nguồn tài liệu thực tế, thực hành giao tiếp với người bản ngữ hoặc tập nói tiếng Pháp cùng bạn nhằm phát triển kỹ năng sử dụng ngôn ngữ một cách tự nhiên, chính xác. Kết quả khảo sát cũng cho thấy phần lớn SV đề cao vai trò của GV và coi GV là phần không thể thiếu trong hoạt động học tập. Nhưng trên thực tế, họ lại e ngại trong việc tiếp xúc với GV để trao đổi về vấn đề học tập.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Dam, L. (1995). *Learner autonomy 3 - From theory to classroom practice*, Dublin: Authentic Language Learning Resources Ltd.
- Dickinson, L. (1987). *Self-instruction in language learning*. Cambridge: Cambridge University Press.
- Holec, H. (1981). *Autonomy and foreign language learning*. Oxford: Pergamon.
- Kumaravadivelu, B. (2003). *Understanding language teaching: From method to postmethod*, Mahwah, NJ: Lawrence Erlbaum Associates.
- Little, D. (2003). *Learner Autonomy: A fundamental principle in pedagogy and education*. Tea Magazine. Dublin: Centre for Language and Communications Studies Trinity College.
- Littlewood, W. (1999). *Second language teaching methods*. In B. Spolsky (ed.). *Concise encyclopedia of educational linguistics*. Amsterdam: Elsevier.
- Omaggio, A. (1978). *Successful language learners: what do we know about them?* ERIC/CLL News Bulletin, May, 2-3.
- O'Malley, J., & Chamot, A. (1989). *Learning Strategies in second language acquisition*, New York: Cambridge University Press.
- Scharle, A., & Szabo, A. (2000). *Learner Autonomy, A guide to developing learner Responsibility*, Cambridge: Cambridge University Press.
- Ur, P. (1996). *A Course in Language Teaching*. Cambridge University Press.

**SELF-STUDY OF FOREIGN LANGUAGES STUDENTS AT QUY NHON UNIVERSITY:
LEARNING FRENCH AS THE SECOND LANGUAGE**

Nguyen Thi Thu Hanh

Quy Nhon University, Vietnam

Corresponding author: Nguyen Thi Thu Hanh – Email: hanhnguyendhq@yahoo.com

Received: July 18, 2019; Revised: October 09, 2020; Accepted: May 24, 2021

ABSTRACT

Self-study plays a very important role when learning foreign languages in general French in particular. However, the students of the Foreign Languages Department at Quy Nhon University seem not to be autonomous in learning French. Therefore, in order to find out the reasons and propose some solutions to improve the situation, we surveyed 200 students of the two courses 39 and 40. The findings revealed a common agreement that self-study is an important factor in learning a foreign language, but they are facing difficulties in self-study because they are familiar with passive learning and dependency on teachers. Students mainly analyze the assigned tasks, rather than looking for resources for further practice. Most students are not aware of the importance of reviewing and self-checking their learning process to make timely adjustments in the learning process. When the task is difficult, they tend to discuss and seek help from friends rather than with teachers.

Keywords: Foreign Languages Department; French; Quy Nhon University; self-study; students